

CHÍNH PHỦ
Số: 177-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

Về việc ban hành điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1

Ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng, thay thế Điều lệ Quản lý xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định số 385-HĐBT ngày 7-11-1990, và Điều lệ Lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 273-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thi hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

ĐIỀU LỆ

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Giải thích từ ngữ:

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1- Quản lý đầu tư và xây dựng: Quản lý đầu tư và xây dựng là quản lý Nhà nước về quá trình đầu tư và xây dựng từ bước xác định dự án đầu tư đến thực hiện đầu tư và cả quá trình đưa dự án vào khai thác, sử dụng đạt mục tiêu đã định.

2- Dự án đầu tư: Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất về việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, cải tiến hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ nào đó trong một khoảng thời gian xác định.

3- Công trình xây dựng: Công trình xây dựng là sản phẩm của công nghệ xây lắp gắn liền với đất (bao gồm cả mặt nước, mặt biển và thềm lục địa) được tạo thành bằng vật liệu xây dựng, thiết bị và lao động.

Công trình xây dựng bao gồm một hạng mục hoặc nhiều hạng mục công trình nằm trong dây chuyền công nghệ đồng bộ, hoàn chỉnh (có tính đến việc hợp tác sản xuất) để làm ra sản phẩm cuối cùng nêu trong dự án.

4- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là người chủ sở hữu vốn. Chủ đầu tư có thể là một tổ chức hoặc cá nhân bỏ toàn bộ hoặc một phần vốn và chịu trách nhiệm huy động phần vốn còn lại để đầu tư theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vốn đầu tư của dự án chủ yếu thuộc sở hữu Nhà nước thì chủ đầu tư là người được cấp quyết định đầu tư chỉ định ngay từ khi lập dự án và giao trách nhiệm trực tiếp quản lý sử dụng vốn.

5- Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư là vốn đầu tư dự kiến để chi phí cho toàn bộ quá trình đầu tư nhằm đạt được mục tiêu đầu tư để đưa vào khai thác, sử dụng theo yêu cầu của dự án (bao gồm cả yếu tố trượt giá).

6- Tổng dự toán công trình: Tổng dự toán công trình là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư công trình được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật. Tổng dự toán công trình bao gồm các khoản chi phí có liên quan đến khảo sát, thiết kế, xây dựng, mua sắm thiết bị, chi phí sử dụng đất đai đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí khu phụ trợ, nhà làm việc, nhà ở tạm của công nhân xây dựng đối với công trình quy mô lớn; các chi phí khác kể cả chi phí dự phòng (bao gồm cả yếu tố trượt giá).

7- Quyết toán vốn đầu tư: Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp thực đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng (các chi phí do thiên tai, địch hoạc và các chi phí không hợp lý, không hợp pháp đã được loại trừ).

8- Quy chuẩn xây dựng: Quy chuẩn xây dựng là những văn bản pháp quy bao gồm những quy định về điều kiện kỹ thuật phải được dùng trong thiết kế xây dựng, quản lý công trình dân dụng và công nghiệp.

9- Tiêu chuẩn xây dựng: Tiêu chuẩn xây dựng là các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định để thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế, xây lắp, nghiệm thu, đảm bảo chất lượng công trình, áp dụng cho từng loại chuyên ngành xây dựng do Nhà nước hoặc các Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành ban hành.

Điều 2

Yêu cầu cơ bản của quản lý đầu tư và xây dựng:

1- Bảo đảm đúng mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

2- Huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư trong nước cũng như của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam; khai thác tốt tài nguyên, tiềm năng lao động, đất đai và mọi tiềm lực khác, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái.

3- Xây dựng phải theo quy hoạch được duyệt, thiết kế hợp lý, tiên tiến, mỹ quan; công nghệ xây dựng tiên tiến; xây lắp đúng tiến độ, đạt chất lượng cao, với chi phí hợp lý và thực hiện bảo hành công trình.

Điều 3

Nhưng nguyên tắc cơ bản của công tác quản lý đầu tư và xây dựng:

1- Công tác quản lý đầu tư và xây dựng phải bảo đảm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ được xã hội và thị trường chấp nhận về giá cả, chất lượng và đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

2- Thực hiện quản lý thống nhất của Nhà nước về cơ chế, chính sách và tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật đối với toàn bộ quá trình đầu tư và xây dựng từ khâu quy hoạch, kế hoạch đến khâu huy động và sử dụng vốn, lựa chọn công nghệ, các giải pháp thiết kế kiến trúc, thiết kế kỹ thuật, xây lắp bảo hiểm, bảo hành công trình.

3- Thực hiện đúng trình tự đầu tư và xây dựng.

4- Phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn, các doanh nghiệp xây dựng, cung ứng vật tư thiết bị trong quá trình đầu tư và xây dựng.

Điều 4

Trình tự đầu tư và xây dựng:

Trình tự đầu tư và xây dựng bao gồm 3 giai đoạn:

1- Chuẩn bị đầu tư

2- Thực hiện đầu tư

3- Kết thúc xây dựng, đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Điều 5

Phân loại dự án đầu tư:

Tuỳ theo tính chất và quy mô, dự án đầu tư được phân loại thành 3 nhóm: A, B, C. Đặc trưng của mỗi nhóm được quy định trong phụ lục ban hành kèm theo Điều lệ này (riêng đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được phân loại theo quy định riêng).

Điều 6

Trách nhiệm quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng:

1- Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng của các thành phần kinh tế theo pháp luật, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và quốc phòng, an ninh theo quy hoạch, kế hoạch đã định; ban hành các chính sách về quản lý đầu tư và xây dựng; các

chính sách khuyến khích đầu tư đối với các lĩnh vực và thành phần kinh tế, các chính sách ưu đãi trong đầu tư, cơ chế huy động và thu hồi vốn.

2- Thủ tướng Chính phủ quyết định các dự án đầu tư thuộc nhóm A và uỷ quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định đầu tư các dự án thuộc nhóm B và C theo quy định của Điều lệ này; riêng các dự án nhóm B, trước khi quyết định đầu tư phải có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Đối với các dự án đầu tư của các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức, đoàn thể trực thuộc Trung ương, Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền cho Thủ trưởng các cơ quan đó quyết định đầu tư các dự án nhóm C và giao cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quyết định đầu tư các dự án nhóm B.

3- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước: Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm nghiên cứu cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư; hoạch định các mục tiêu chiến lược, các quy định phát triển kinh tế - xã hội, vùng và lãnh thổ; xác định cơ cấu đầu tư và danh mục các dự án đầu tư ưu tiên để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành, hoặc được Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền ban hành. Cân đối nguồn lực đảm bảo nhu cầu đầu tư theo các mục tiêu phát triển và cơ cấu kinh tế. Hướng dẫn việc lập các dự án; chủ trì việc thẩm định các dự án đầu tư thuộc nhóm A để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư thuộc nguồn vốn do Nhà nước quản lý. Đảm bảo các yếu tố để thực hiện kế hoạch huy động từng phần kết quả đầu tư vào hoạt động.

4- Bộ Xây dựng: Bộ Xây dựng có trách nhiệm nghiên cứu cơ chế, chính sách về quản lý xây dựng, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành; hoặc được Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền ban hành; ban hành hoặc thoả thuận để các Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành ban hành các tiêu chuẩn, quy phạm, các quy định quản lý chất lượng công trình và kinh tế xây dựng (hệ thống các định mức và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, đơn giá tổng hợp); chủ trì việc thẩm định tổng dự toán các dự án thuộc nhóm A trình Thủ tướng Chính phủ xem xét để uỷ quyền cho Bộ trưởng quản lý ngành phê duyệt. Thống nhất quản lý Nhà nước về hành nghề tư vấn đầu tư xây dựng và kinh doanh xây lắp; quản lý và hướng dẫn đấu thầu, chọn thầu tư vấn và xây lắp.